

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/KDTM-PT

Ngày: 19/4/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Bùi Đức Bằng**

Các Thẩm phán : **Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh**

Ông Nguyễn Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Trung Kiên** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 290/2023/TLPT-KDTM ngày 19/12/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 67/2023/KDTM-ST ngày 12/10/2023 của Tòa án nhân dân quận HĐ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2024/QĐXX-PT ngày 15/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 190/2024/QĐ-HPT ngày 04/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (sau đây gọi tắt là VAMC).

Trụ sở: Số 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Đông – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng thương mại TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (Theo Hợp đồng ủy quyền số 6670/2014/UQ.VAMC2-GPBANK ngày 19/12/2014) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng GP.Bank).

Trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Huy Thông – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ Minh Dũng - Phó Ban kinh doanh và ông Nghiêm Xuân Vũ – Cán bộ Ngân hàngGP.Bank (Theo Giấy ủy quyền số 11/2021/UQ-TGD ngày 16/3/2021). Có mặt

2. Bị đơn: Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959 và Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959. Có mặt

Địa chỉ: số nhà 4, ngõ 2, tổ 5, Văn Nội, phường P, quận HĐ, Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Đinh Quang Tuấn, sinh năm 1982; Có mặt

3.2 Chị Nguyễn Thị Thu Hương, sinh năm 1989;

3.3 Cháu Đinh Hương Quỳnh, sinh năm 2009;

3.4 Cháu Đinh Nguyễn Quỳnh Anh, sinh năm 2015.

Cùng trú tại: số nhà 4, ngõ 2, tổ 5, Văn Nội, phường P, quận HĐ, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn, ngày 20/7/2011, Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H đã ký kết với Ngân hàngGP.Bank Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11 để vay số tiền **3.000.000.000 đồng**; Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh; Thời hạn vay 12 tháng; Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/01 lần, lãi suất đầu tiên 25%/năm, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ theo quy định của Ngân hàngGP.Bank tại thời điểm giải ngân/ điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/ hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàngGP.Bank tại từng thời kỳ.

Ngân hàngGP.Bank đã giải ngân cho Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H số tiền 3.000.000.000 đồng tại Khế ước nhận nợ số 0525/KUNN-GPBDD/11 ngày 20/7/2011 được ký kết giữa hai bên.

Để đảm bảo cho khoản vay, Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 36, tờ bản đồ số 03, diện tích 385m² tại địa chỉ thôn Văn Nội, xã P, thành phố HĐ, tỉnh

Hà Tây (nay là quận HĐ, thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn L - bà Nguyễn Thị H được UBND thành phố HĐ, tỉnh Hà Tây (nay là quận HĐ, thành phố Hà Nội) cấp ngày 21/5/2007 số AL 840745, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H: 0177 và thế chấp tài sản trên đất, hoa lợi, lợi tức phát sinh trên đất.

Khoản nợ này Ngân hàng GP.Bank đã bán nợ cho VAMC vào ngày 19/12/2014. Ngân hàng GP.Bank là người đại diện theo ủy quyền của VAMC.

Trong quá trình vay, Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 03/4/2012 và đã thanh toán được 500.000.000 đồng tiền nợ gốc vào các ngày 21/01/2014, 05/11/2014, 13/02/2015, 22/4/2015.

Về lãi suất áp dụng: Ngân hàng có điều chỉnh lãi suất quy định và kể từ ngày ông L, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 03/4/2012 Ngân hàng vẫn tiếp tục điều chỉnh lãi suất. Mỗi lần điều chỉnh lãi suất tuy Ngân hàng không thông báo cho ông L, bà H nhưng đến mỗi kỳ trả nợ thì cán bộ Ngân hàng có thông báo bằng điện thoại về số tiền còn nợ của khách hàng.

Tạm tính đến ngày 12/10/2023, Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H còn nợ VAMC tổng số tiền **13.101.777.856 đồng**. Trong đó: Nợ gốc: 2.500.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 392.207.472 đồng, Lãi trên gốc quá hạn: 8.645.568.750 đồng và Phạt chậm trả lãi: 1.564.001.634 đồng.

* VAMC khởi kiện đề nghị Tòa án:

- Buộc ông L bà H phải trả cho VAMC số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/10/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 0525/KUNN-GPBDD/11 ngày 20/7/2011 đã ký kết.

- Tiếp tục tính lãi phát sinh thêm tương ứng số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Nếu ông L, bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì VAMC có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 36, tờ bản đồ số 03, diện tích 385m² tại địa chỉ thôn Văn Nội, xã P, HĐ, tỉnh Hà Tây (nay là quận HĐ, Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn L - bà Nguyễn Thị H được UBND thành phố HĐ, tỉnh Hà Tây (nay là quận HĐ, Hà Nội) cấp cho vào ngày 21/5/2007 và thế chấp cả tài sản trên đất, hoa lợi, lợi tức phát sinh trên đất để thanh toán nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho VAMC, sau khi trừ đi các chi phí phát sinh. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết các khoản nợ thì đề nghị Tòa án tuyên ông L, bà H phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho VAMC.

2. Bị đơn - Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H trình

bày:

Ngày 20/7/2011, vợ chồng ông bà đã ký kết với Ngân hàng GP.Bank Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11 để vay số tiền 3000.000.000 đồng; Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Tính đến thời điểm này, ông bà xác nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 2.500.000.000 đồng.

Để đảm bảo khoản vay ông bà có thể chấp quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 36, tờ bản đồ số 03, diện tích 385m² tại địa chỉ thôn Văn Nội, xã P, thành phố HĐ, tỉnh Hà Tây (nay là quận HĐ, Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông bà. Ông bà cũng đã nhiều lần muốn hợp tác cùng Ngân hàng để giải quyết khoản nợ nhưng Ngân hàng không hợp tác để đến bây giờ khoản nợ lên quá cao thì ông bà không có khả năng trả nợ, đây cũng là lỗi của Ngân hàng. Đề nghị Ngân hàng xem xét để miễn, giảm lãi, điều chỉnh lãi suất xuống thấp hơn nữa để cho ông bà có cơ hội trả nợ.

3. Người có quyền lợi, liên quan trình bày:

Chị Hương hiện nay gia đình chị có 1 chỗ ở duy nhất nên tôi cũng đề nghị GP.Bank chấp nhận yêu cầu của gia đình chị.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không đến Tòa án làm việc và cũng không thể hiện quan điểm với tòa.

4. Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Vẫn đề nghị Ngân hàng tiếp tục điều chỉnh lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước, miễn giảm lãi suất để gia đình có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đề nghị Ngân hàng miễn giảm lãi để gia đình có cơ hội trả nợ.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 67/2023/KDTM-ST ngày 12/10/2023 của Tòa án nhân dân quận HĐ đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) đối với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H về tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11 vào ngày 20/7/2011.

- Buộc ông L, bà H phải thanh toán cho VAMC số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 12/10/2023 là **2.500.000.000 đồng**.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ông L bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho

hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong số tiền nợ gốc.

2. Giành quyền khởi kiện cho VAMC đối với ông L bà H ở vụ án khác về số tiền nợ lãi (lãi trong hạn, lãi quá hạn) khi VAMC xuất trình đầy đủ căn cứ tính lãi và có yêu cầu.

3. Không chấp nhận yêu cầu tính phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 12/10/2023 số tiền **1.564.001.634 đồng** (*một tỷ năm trăm sáu mươi tư triệu không trăm linh một nghìn sáu trăm ba mươi tư đồng*) của VAMC.

4. Trong trường hợp ông L, bà H không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ khoản tiền nợ gốc thì VAMC có quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 385m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: thôn Vân Nội, xã P, thành phố HĐ, tỉnh Hà Tây (nay là quận HĐ, thành phố Hà Nội), Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 840745 do UBND thành phố HĐ, tỉnh Hà Tây cấp cho ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H để thu hồi nợ gốc.

Sau khi phát mại tài sản thế chấp phần giá trị còn lại vẫn được tiếp tục giữ lại để đảm bảo thanh toán khoản tiền nợ lãi cho VAMC ở vụ án khác khi VAMC xuất trình đầy đủ căn cứ tính lãi.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi xét xử sơ thẩm

Không đồng ý với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, VAMC đã có đơn kháng cáo đối với một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 67/2023/KDTM-ST ngày 12/10/2023 của Tòa án nhân dân quận HĐ, thành phố Hà Nội về việc trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi của số nợ gốc.

Tại thời điểm nộp đơn, ngoài đơn kháng cáo, người kháng cáo có tài liệu, chứng cứ các quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng GP.Bank để làm căn cứ tính lãi.

6. Trình bày của các đương sự tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa hôm nay, VAMC (nguyên đơn) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện theo ủy quyền của VAMC (nguyên đơn) là Ngân hàng GP.Bank trình bày các nội dung kháng cáo như sau:

VAMC giữ nguyên ý kiến trình bày tại đơn kháng cáo, cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn là không thỏa đáng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty VAMC. Ngân hàng GP.Bank áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn cố định là 29,25 % là đúng mới thỏa thuận tại điểm 1 Mục I Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng về Lãi suất nợ quá hạn. Đối với lãi chậm trả lãi, Tòa

án cấp sơ thẩm không chấp nhận lãi suất phạt chậm trả lãi mà khách hàng phải trả cho Ngân hàng GPBank theo Hợp đồng tín dụng là không có căn cứ.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H phải trả cho VAMC số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/10/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 0525/KUNN-GPBDD/11 ngày 20/7/2011 đã ký kết tổng số tiền là **13.101.777.856 đồng**. Trong đó: Nợ gốc: 2.500.000.000 đồng, Nợ lãi trong hạn: 392.207.472 đồng, Lãi trên gốc quá hạn: 8.645.568.750 đồng và Phạt chậm trả lãi: 1.564.001.634 đồng.

Tại cấp phúc thẩm, thực hiện quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa án, đại diện theo ủy quyền của VAMC là Ngân hàng GP.Bank đã cung cấp bổ sung các quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng từ năm 2011 đến nay. Căn cứ thỏa thuận tại Khoản 2 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11, Mục 3 Khế ước nhận nợ số 0525/KUNN-GPBĐ/11 ngày 20/7/2011 và điểm 1 Mục I Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng, sau khi áp dụng các quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng GP.Bank thì số tiền nợ gốc và nợ lãi yêu cầu ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/10/2023 cụ thể như sau:

Tổng số tiền phải thanh toán là **9.040.038.143 đồng**. Trong đó,

Nợ gốc: 2.500.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 378.623.305 đồng.

Lãi quá hạn: 4.674.505.210 đồng.

Lãi chậm trả lãi: 1.486.909.628 đồng.

- Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, liên quan trình bày trình bày:

Giữ nguyên các ý kiến trình bày tại Đơn đề nghị ngày 28/02/2024 gửi Tòa án cấp phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H xác nhận ông bà có ký kết Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11 vào ngày 20/7/2011 với Ngân hàng GP.Bank để vay số tiền 3.000.000.000 đồng. Hiện còn nợ 2.500.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H đồng ý trả Ngân hàng GP.Bank số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng và đã nhiều lần thỏa thuận trả nợ gốc cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng không tạo điều kiện, liên tục trì hoãn, gây áp lực để hướng đến việc xử lý khoản nợ bằng việc phát mại tài sản bảo đảm.

Về số tiền lãi, ông L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Ngân hàng GP.Bank cung cấp các tài liệu làm căn cứ áp dụng mức lãi suất cho vay theo đúng quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Việc Ngân hàng không điều chỉnh lãi suất từ ngày 25/6/2012 đến nay, giữ nguyên mức lãi suất 29,25% là quá cao, trong khi đó lãi suất cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước liên tục được điều chỉnh và giảm mạnh. Việc GP.Bank và VAMC tính phạt chậm trả đến ngày 12/10/2023 với số tiền 1.564.001.634 đồng

là lãi chồng lãi, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các đương sự thống nhất xác nhận ngoài các tài liệu chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì không còn tài liệu chứng cứ nào khác để nộp cho Tòa án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trình bày quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, mở phiên tòa và tại phiên tòa xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, về hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên phát sinh hiệu lực đối với các bên. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán tiền gốc cho Ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng là có căn cứ. Các đương sự không có kháng cáo về tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và số tiền nợ gốc 2.500.000.000 đồng còn phải thanh toán nên có hiệu lực pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo về việc trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả lãi:

Tại cấp phúc thẩm, đại diện VAMC là Ngân hàng GP.Bank đã cung cấp bổ sung các quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng để làm căn cứ tính lãi, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của VAMC, xác định chính xác số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn đảm bảo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật.

Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11 được các bên ký kết ngày 20/7/2011. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu Ngân hàng buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H phải thanh khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm về phần trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn của số nợ gốc; không chấp nhận đối với yêu cầu phạt lãi chậm trả lãi.

Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật định. Người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên việc kháng cáo là hợp lệ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự có mặt theo Giấy triệu tập nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chị Nguyễn Thị Thu hương, Cháu Đình Hương Quỳnh, Cháu Đình Nguyễn Quỳnh Anh vắng mặt không có lý do. Phiên tòa ngày hôm nay là phiên tòa được mở lần thứ 2, do đó căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Ngày 20/7/2011, Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H đã ký kết với Ngân hàng GP.Bank Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11 để vay số tiền 3.000.000.000 đồng; Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh. Để đảm bảo cho khoản vay, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 36, tờ bản đồ số 03, diện tích 385m² tại địa chỉ thôn Văn Nội, xã P, thành phố HĐ, tỉnh Hà Tây (*nay là quận HĐ, thành phố Hà Nội*). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H.

Trên cơ sở Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản, Ngân hàng GP.Bank đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H 01 lần với tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0525/KUNN-GPBDD/11 ngày 20/7/2011. Trong quá trình vay, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H đã thanh toán được 500.000.000 đồng tiền nợ gốc vào các ngày 21/01/2014, 05/11/2014, 13/02/2015, 22/4/2015 và bắt đầu vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 03/4/2012.

Xét thấy:

Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ và Hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 471, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; các bên không có tranh chấp về tính hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và xác nhận số tiền nợ gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng là 2.500.000.000 đồng và không kháng cáo nên có hiệu

lực pháp luật.

*** Đối với yêu cầu phải thanh toán tiền lãi:**

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, VAMC khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H phải trả số tiền lãi tạm tính đến ngày 12/10/2023 là: Nợ lãi trong hạn: 392.207.472 đồng, Lãi trên gốc quá hạn: 8.645.568.750 đồng. Tuy nhiên, do đại diện theo ủy quyền của VAMC không xuất trình được các tài liệu chứng cứ hợp lệ quy định về căn cứ tính lãi điều chỉnh theo từng thời kỳ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi. Dành quyền giải quyết bằng vụ án khác khi Ngân hàng có yêu cầu và xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình.

Sau khi xét xử sơ thẩm, VAMC kháng cáo cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi trong hạn, lãi quá hạn là không thỏa đáng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty VAMC. Ngân hàng GP.Bank áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn cố định là 29,25 % là đúng mới thỏa thuận tại điểm 1 Mục I Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng về Lãi suất nợ quá hạn.

Xét thấy:

Tại Khế ước nhận nợ số 0525/KUNN-GPBD/11 ngày 20/7/2011, lãi suất cho vay tại thời điểm cho vay kỳ đầu tiên là 25%/năm.

Tại Khoản 2 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11 và Mục 3 Khế ước nhận nợ số 0525/KUNN-GPBD/11 ngày 20/7/2011 có thỏa thuận: “Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần. Lãi suất kỳ đầu tiên là 25%. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ **hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ công biên độ theo quy định của GP.Bank tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/ hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của GP.Bank tại từng thời kỳ**”.

Tại điểm 1 Mục I Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận: “Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm khoản vay chuyển quá hạn”.

Tại Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cho vay theo thỏa thuận “Điều 1. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả”.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 8, Điều 10 - Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc xác

định lãi, lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng tại thời điểm xét xử sơ thẩm và việc điều chỉnh lãi, lãi suất khi các bên có thỏa thuận thì: *“lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất”*.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc hai bên thỏa thuận mức lãi vay tại thời điểm vay theo khế ước nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cho vay theo thỏa thuận nên được chấp nhận. Theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ thì lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng **là lãi suất có điều chỉnh** *“Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ công biên độ theo quy định của GP.Bank tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh”*. Tuy nhiên, theo Bảng kê tính lãi khách hàng mà Ngân hàng GP.Bank tính để yêu cầu khách hàng thanh toán tại Tòa án cấp sơ thẩm thì từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn 20/7/2012 đến nay, Ngân hàng GP.Bank áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn cố định là 29,25 % và không điều chỉnh lãi suất.

Hội đồng xét xử nhận thấy, từ năm 2012 đến nay, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các văn bản điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ với mức lãi suất giảm dần từ 12%/năm xuống 6,5%/năm nên mức lãi suất quá hạn cũng sẽ được tính trên cơ sở thay đổi mức lãi suất cho vay được quy định bởi Ngân hàng Nhà nước. Do đó, việc Ngân hàng GP.Bank áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn cố định là 29,25 % như trên là rất cao so với quy định của Ngân hàng Nhà nước, không đúng với thỏa thuận tại Khoản 2 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11 và Mục 3 Khế ước nhận nợ số 0525/KUNN-GPBĐ/11 ngày 20/7/2011.

Mặt khác, tại Tòa án cấp sơ thẩm, đại diện VAMC không xuất trình được đầy đủ các Nghị quyết và quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng GP.Bank để chứng minh cho việc tính lãi suất của Ngân hàng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tách phần tính lãi (*lãi trong hạn, lãi quá hạn*), giành quyền khởi kiện cho VAMC đối với ông L, bà H về số tiền nợ lãi (*lãi trong hạn, lãi quá hạn*) ở vụ án khác khi VAMC xuất trình đầy đủ căn cứ tính lãi và có yêu cầu là có căn cứ và đúng với quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, kháng cáo của Ngân hàng GP.Bank là không có cơ sở.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã ban hành 02 Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ yêu cầu đại diện theo ủy quyền của VAMC là Ngân hàng GP.Bank phải cung cấp bổ sung các quyết định điều chỉnh lãi suất từ thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng đến nay để chứng minh cho yêu cầu tính lãi. Hiện nay, Ngân hàng GP.Bank đã cung cấp bổ sung các quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng. Do đó, căn cứ thỏa thuận tại Khoản 2 Điều 2 Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11, Mục 3 Khế ước nhận nợ số 0525/KUNN-GPBĐ/11 ngày 20/7/2011 và điểm 1 Mục I Các điều khoản chung của Hợp đồng tín dụng, sau khi áp dụng

các quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng GP.Bank cung cấp thì số tiền nợ gốc và nợ lãi ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị H phải thanh toán tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/10/2023 cụ thể là

Tổng số tiền phải thanh toán là **9.040.038.143 đồng**. Trong đó,

Nợ gốc: 2.500.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 378.623.305 đồng.

Lãi quá hạn: 4.674.505.210 đồng.

Lãi chậm trả lãi: 1.486.909.628 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, đại diện VAMC là Ngân hàng GP.Bank đã cung cấp bổ sung toàn bộ các quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng để làm căn cứ tính lãi. Các quyết định điều chỉnh lãi suất, Bảng kê tính lãi và căn cứ tính lãi cung cấp tại cấp phúc thẩm là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ và đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quyết định điều chỉnh lãi suất mà Ngân hàng cung cấp để xem xét, xác định chính xác số tiền lãi đảm bảo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của VAMC, buộc Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho VAMC số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/10/2023 là: **Lãi trong hạn: 378.623.305 đồng và Lãi quá hạn 4.674.505.210 đồng.**

** Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả:*

VAMC yêu cầu Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H thanh toán trả số tiền phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 12/10/2023 là 1.564.001.634 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trên của VAMC vì xét thấy đây là phạt lãi chồng lãi.

Xét thấy:

Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11 được các bên ký kết ngày 20/7/2011. Theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao về việc xác định lãi, lãi suất cho vay trong hợp đồng tín dụng thì khoản lãi chậm trả lãi chỉ được chấp nhận đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập sau ngày 01/01/2017. Đối với hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/01/2017 thì các khoản tiền bên vay phải chịu gồm: Lãi trên nợ gốc chưa trả, lãi trên nợ gốc quá hạn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu Ngân hàng buộc ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H phải thanh khoản tiền lãi phạt chậm trả lãi là có căn cứ và đúng với quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Vì vậy, kháng cáo của Ngân hàng GP.Bank

là không có cơ sở.

Từ những phân tích trên căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng GP.Bank, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần quyết định chấp nhận yêu cầu thanh toán số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/10/2023 là: **Lãi trong hạn: 378.623.305 đồng và Lãi quá hạn 4.674.505.210 đồng.**

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H được miễn án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 281, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 324, Điều 342, Điều 343, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 97; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244, Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo; Nghị định 11/CP/2012 ngày 22/02/2011 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch đảm bảo.

- Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của Hợp đồng tín dụng.

- Căn cứ Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 12, Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) đối với Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H về tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 0525/HĐTD-GPBDD/11 vào ngày 20/7/2011.

2. Buộc Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) số tiền tạm tính đến ngày 12/10/2023 là: **7.553.128.515 đồng** (*bảy tỷ năm trăm năm mươi ba triệu một trăm hai mươi tám nghìn năm trăm mười năm đồng*). Trong đó,

Nợ gốc: 2.500.000.000 đồng.

Lãi trong hạn: 378.623.305 đồng.

Lãi quá hạn 4.674.505.210 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Không chấp nhận yêu cầu tính phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 12/10/2023 số tiền 1.564.001.634 đồng của Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

4. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Hộ kinh doanh ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và tiền lãi nói trên thì Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của khoản vay nói trên để thu hồi khoản nợ tài sản đảm bảo là: Quyền sử dụng đất có diện tích 385m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 03; địa chỉ: thôn Vân Nội, xã P, thành phố HĐ, tỉnh Hà Tây nay là quận HĐ, thành phố Hà nội, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 840745 do UBND thành phố HĐ, tỉnh Hà Tây cấp cho ông Nguyễn Văn L bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì tất cả những người đang sinh sống trên đất hoặc những người đang có tên trong sổ hộ khẩu thường trú trên đất thế chấp đều phải có nghĩa vụ chấp hành việc thi hành án.

Trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản đảm bảo vẫn không đủ trả nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) thì ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H vẫn phải tiếp tục

thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị H thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận (*một phần số tiền lãi và phạt chậm trả lãi*) số tiền **113.548.649 đồng**, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.000.000 đồng (*theo Biên lai số AA/2020/0009457 ngày 15/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ*), còn phải nộp số tiền là **53.548.649 đồng** (*Năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng*).

+ Án phí phúc thẩm:

Công ty trách nhiệm hữu hạn MTV quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (*đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí phúc thẩm số 0014551 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ, Hà Nội*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND Q. HĐ;
- Chi cục THADS Q. HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

Bùi Đức Bằng